TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - G** **TỈNH G**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 83/2025/QĐST-DS	*G, ngày 18 tháng 11 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào các Điều 212 và 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành ngày 10 tháng 11 năm 2025 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 74/2025/TLST-DS ngày 24 tháng 10 năm 2025 về việc "*Tranh chấp hợp đồng mua bán*".

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- **Nguyên đơn**: Anh Đặng Thành A – SN: 20/6/1976; nơi cư trú: Thôn E, xã F, tỉnh G.

CCCD số: 052076013845; ngày cấp: 11/8/2021; nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội.

- **Bị đơn**:

1. Anh Phan Xuân B – SN: 10/02/1985; nơi cư trú: Thôn E, xã F, tỉnh G.

Số Căn cước: 052085017294; ngày cấp: 25/9/2025; nơi cấp: Bộ Công an.

2. Chị Nguyễn Thị C – SN: 20/10/1991; nơi cư trú: Thôn E, xã F, tỉnh G.

CCCD số: 052191019601; ngày cấp: 11/8/2021; nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan**: Chị Hồ Thị D – SN: 01/01/1979; nơi cư trú: Thôn E, xã F, tỉnh G.

CCCD số: 062179005539; ngày cấp: 14/9/2021; nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Anh Đặng Thành A, chị Hồ Thị D, anh Phan Xuân B và chị Nguyễn Thị C thống nhất tính đến ngày 10 tháng 11 năm 2025, vợ chồng anh Phan Xuân B và chị Nguyễn Thị C còn nợ vợ chồng anh Đặng Thành A và chị Hồ Thị D số tiền 87.016.000đ (tám mươi bảy triệu, không trăm mười sáu nghìn đồng).

2.2. Anh Đặng Thành A, chị Hồ Thị D, anh Phan Xuân B và chị Nguyễn Thị C thống nhất đến ngày 10 tháng 01 năm 2026, vợ chồng anh Phan Xuân B và chị Nguyễn Thị C trả cho vợ chồng anh Đặng Thành A và chị Hồ Thị D số tiền 87.016.000đ (tám mươi bảy triệu, không trăm mười sáu nghìn đồng) là hết nợ.

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.3.1. Anh Phan Xuân B và chị Nguyễn Thị C phải chịu 2.175.000đ (hai triệu, một trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước.

2.3.2. Hoàn trả cho anh Đặng Thành A số tiền 2.175.000đ (hai triệu, một trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm anh Đặng Thành A đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004180 ngày 24/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh G.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

4.1. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4.2. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - G;
- Phòng Giám đốc, Kiểm tra, Thanh tra và Thi hành án TAND tỉnh G;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 - G;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Cao Văn Đ